

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 8 - 2022
“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phước Thị Kim Huê

2. Ông Sơn Ken

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mừng– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 202/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Chanh Đ, sinh ngày 01/01/1986; địa chỉ ấp Ô, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Kim M, sinh năm 1971; địa chỉ ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2022, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Thạch Thị Chanh Đ trình bày: Vào năm 2003 do mai mối nên chị và anh Kim M tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng, huyện Trà Cú vào ngày 06/7/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống bên cha mẹ chồng tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu, vợ chồng chung có hạnh phúc, có quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đến năm 2005 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi với nhau do anh M không tôn trọng chị, không quan tâm chăm sóc vợ con, có tính gia trưởng, thường

ghen tương vô cớ, chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm và đánh đập chị nhiều lần. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị đã quyết định trở về nhà cha mẹ ruột và sống ly thân với anh M từ năm 2007 đến nay, thời gian ly thân không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Nay chị nhận thấy giữa chị và anh M ly thân đã lâu, không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M; về con chung có 02 người tên Kim Thị Đa N, sinh ngày 19/8/2003 và Kim Đa R, sinh ngày 29/10/2005. Đối với con chung tên Kim Thị Đa N đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, còn con chung tên Kim Đa R thì chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Kim M cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2022 bị đơn anh Kim M trình bày: Vào năm 2003 anh và chị Thạch Thị Chanh Đ tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng, huyện Trà Cú. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống bên gia đình của anh tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh. vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 04 năm và có 02 người con chung tên Kim Thị Đa N, sinh ngày 19/8/2003 và Kim Đa R, sinh ngày 29/10/2005. Đến năm 2007 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cự cãi với nhau do chị Chanh Đ không lo làm ăn, sau đó chị Chanh Đ đã âm 01 đứa con nhỏ (Kim Đa R) về nhà cha mẹ ruột sống và để lại 01 đứa con lớn (Kim Thị Đa N) cho anh nuôi dưỡng. Nay vợ chồng ly thân đã lâu, không thể hàn gắn nên anh đồng ý theo yêu cầu ly hôn của chị Chanh Đ; về con chung tên Kim Thị Đa N đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, còn con chung tên Kim Đa R thì đồng ý giao cho chị Chanh Đ nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị Chanh Đ và bị đơn anh Kim M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy cuộc sống hôn nhân của chị Chanh Đ và anh M ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó chị Chanh Đ yêu cầu ly hôn với anh M, nhận nuôi con chung cháu Kim Đa R, sinh ngày 29/10/2005, không yêu cầu anh M cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết là có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, các Điều 147, 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Chanh Đ.

+ Về hôn nhân: Chị Thạch Thị Chanh Đ được ly hôn với anh Kim M.

+ Về con chung: Giao cháu Kim Đa R, sinh ngày 29/10/2005 cho chị Chanh Đ nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Đa R; anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn chị Thạch Thị Chanh Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện thì chị Thạch Thị Chanh Đ yêu cầu được ly hôn với anh Kim M và yêu cầu giải quyết về người trực tiếp nuôi con nên đây là vụ kiện “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị Chanh Đ và bị đơn anh Kim M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Chanh Đ và bị đơn anh Kim M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Chanh Đ và anh Kim M tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng, huyện Trà Cú vào ngày 06/7/2004 đúng quy định của luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Chanh Đ và anh Kim M là hợp pháp. Thời gian đầu anh, chị chung sống có hạnh phúc, có quan tâm chăm sóc lẫn nhau và thực hiện tốt nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đến năm 2005 thì anh, chị xảy ra mâu thuẫn, cự cãi mất niềm tin lẫn nhau và đã sống ly thân với nhau từ năm 2007 đến nay mà không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Nay phía chị Chanh Đ cho rằng giữa chị và anh M ly thân đã lâu, không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M; phía anh M cũng xác định giữa anh và chị Chanh Đ ly thân đã lâu, không thể hàn gắn nên anh đồng ý theo yêu cầu ly hôn của chị Chanh Đ. Như vậy, cả chị Chanh Đ và anh M đều xác định tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, không thể hàn

gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Thạch Thị Chanh Đ yêu cầu cầu ly hôn với anh Kim M là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Giữa chị Thạch Thị Chanh Đ và anh Kim M có 02 người con chung tên Kim Thị Đa N, sinh ngày 19/8/2003 và Kim Đa R, sinh ngày 29/10/2005. Thấy rằng cháu Kim Thị Đa N đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét về người trực tiếp nuôi dưỡng; đối với cháu Kim Đa R thì có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị Chanh Đ nên giao cho chị Chanh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Đa R; phía chị Chanh Đ không yêu cầu anh Kim M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Chanh Đ và anh Kim M xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn chị Thạch Thị Chanh Đ phải chịu theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 và Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Chanh Đ.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Chanh Đ được ly hôn với anh Kim M.

+ Về con chung: Giao cháu Kim Đa R, sinh ngày 29/10/2005 cho chị Thạch Thị Chanh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đa R. Anh Kim M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Chanh Đ và anh Kim M xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thạch Thị Chanh Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Chanh Đ đã nộp tạm ứng trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009755 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên chị Chanh Đ không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Phước Hưng, huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thuôn